

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 12 - 4 - 2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lành Văn Hué

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dương Thị Hà

Ông Dương Công Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và Nguyễn Văn H kết hôn ngày 12/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với

nhau hạnh phúc và sinh được hai người con chung. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do anh H đi chơi cờ bạc, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị T có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến ngày 15/10/2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì nhau, cũng từ khi sống ly thân đến nay chị T và anh H cũng không gọi điện hay nhắn tin gì cho nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Thái T1, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Văn Quốc C, sinh ngày 02/6/2014, nay con đang ở với anh Nguyễn Văn H. Khi ly hôn chị Dương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con, con ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thái T1 và Nguyễn Văn Quốc C đều khai là có nguyện vọng ở với bố là anh Nguyễn Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh trường thôn và Công an xã T, huyện B cho thấy: Anh Nguyễn Văn H vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương, không có khai báo tạm vắng và hiện nay vẫn có mặt tại địa phương. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng mà không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn H không có mặt theo thông báo của Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Dương Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T và xử cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái T1 và Nguyễn Văn Quốc C cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/người/tháng đến khi các cháu T1 và cháu C đủ 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định để sung ngân sách Nhà nước.

Nội dung kiến nghị: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập phiên tòa hợp lệ tại ngày 27/3/2024 cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn H cố tình vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của anh Nguyễn Văn H không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 12 tháng 01 năm 2011, chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định cuộc hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cuộc sống chung của chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H có hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, đến tháng 10/2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn H hay đi chơi cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay không còn quan tâm gì nhau. Kể từ ngày sống ly thân hai anh chị cũng không quan tâm hay gọi điện hỏi thăm gì nhau. Chị Dương Thị T xác định vợ chồng không còn tình cảm để tiếp tục chung sống nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Qua xác minh trưởng thôn Phong T2 và xác minh tại Công an xã T, huyện B đều khẳng định anh Nguyễn Văn H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và vẫn có mặt tại

địa phương, không có khai báo tạm vắng hay đi đâu làm gì vắng mặt tại địa phương; về tình trạng hôn nhân chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H sau kết hôn về chung sống tại thôn, cũng như quá trình chung sống không thấy có mâu thuẫn gì trầm trọng nhờ đến thôn giải quyết, hòa giải. Tuy nhiên, qua nắm bắt tình hình được biết chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H đi làm công ty và cũng đã lâu không thấy chị Dương Thị T về đi lại nhà anh Nguyễn Văn H nữa. Qua xác minh gia đình bà Hoàng Thị V mẹ đẻ anh Nguyễn Văn H cho thấy: Quá trình chung sống không thấy vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T xảy ra mâu thuẫn gì nhờ đến gia đình can thiệp, từ năm 2016 anh Nguyễn Văn H và chị Dương Thị T đi làm công ty với nhau, đến cuối năm 2016 không thấy chị Dương Thị T về nhà nữa, đến năm 2017 thì bà mới biết là hai vợ chồng đã sống ly thân; hiện nay anh Nguyễn Văn H đang đi làm xa không thường xuyên ở nhà và gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án, khi nhận được bà đã thông báo cho anh Nguyễn Văn H được biết; đối với cháu Nguyễn Thái T1. Nguyễn Văn Quốc C hiện các cháu phát triển bình thường và đang ở với anh H, bà là người trực tiếp chăm sóc, cho đi ăn học hàng ngày.

[4] Như vậy, xác định tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H thấy rằng: Anh Nguyễn Văn H không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về việc chị Dương Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị Dương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thái T1, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Văn Quốc C, sinh ngày 02/6/2014, nay con đang ở với anh Nguyễn Văn H. Khi ly hôn chị Dương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con; tại biên bản lấy lời khai của hai cháu Nguyễn Thái T1 và Nguyễn Văn Quốc C đều có nguyện vọng ở với bố là anh Nguyễn Văn H. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của bố mẹ và theo nguyện vọng của hai cháu đều có nguyện vọng ở với bố là anh Nguyễn Văn H và tại phiên tòa chị Dương Thị T yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo nguyện vọng các con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/người/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2024. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, giao cháu Nguyễn Thái T1 và cháu Nguyễn Văn Quốc C cho anh Nguyễn Văn H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ, phù hợp với điều kiện hiện tại của các cháu sinh sống và ăn học và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị T về việc cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/người/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2024.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị T xác định không có tài sản chung và nợ chung; quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn

Văn H vắng mặt, không có ý kiến gì. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T xử cho chị Dương Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái T1, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Văn Quốc Canh Nguyễn Văn Hôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện chị Dương Thị T dưỡng nuôi con 1.000.000đ/người/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ 01/5/2024, không tính lãi chậm thanh toán. Chị Dương Thị T quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Dương Thị T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003982 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Dương Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị Tmặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn Hng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lành Văn Huế**